

TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 26/2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (đã được sửa đổi bổ sung tại Nghị quyết số 74/2020/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2020 và Nghị quyết số 78/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Kính gửi: Hội đồng nhân dân Khóa XII, Kỳ họp chuyên đề

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Thực hiện Nghị quyết số 109/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh⁽¹⁾, Thông báo số 08/TB-TTHĐND ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh⁽²⁾; Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII, Kỳ họp chuyên đề xem xét, ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 26/2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (đã được sửa đổi bổ sung tại Nghị quyết số 74/2020/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2020 và Nghị quyết số 78/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh), cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;
- Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;
- Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

⁽¹⁾ Về kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

⁽²⁾ Về kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đăng ký nội dung trình Kỳ họp chuyên đề Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

- Nghị quyết số 26/2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Nghị quyết số 74/2020/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 26/2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Nghị quyết số 78/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 26/2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

2. Về tình hình thực hiện điều chỉnh, bổ sung quy hoạch khoáng sản

Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 26/2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2014 (*sau đây gọi tắt là Quy hoạch khoáng sản*) và sửa đổi, bổ sung tại các nghị quyết: số 74/2020/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2020, số 78/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2021. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các quyết định triển khai thực hiện, gồm: Quyết định số 71/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2014 phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và các quyết định điều chỉnh, bổ sung: số 21/2016/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2016, số 09/2018/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2018, số 07/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2021, số 06/2022/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2022.

Công tác quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản của tỉnh đã thường xuyên được rà soát, điều chỉnh và bổ sung kịp thời, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước về khoáng sản; là một trong những cơ sở pháp lý quan trọng để các ngành, các cấp tổ chức công tác quản lý, cấp phép hoạt động khoáng sản theo quy định.

3. Đề xuất các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường bổ sung quy hoạch

Hiện nay, trong giai đoạn Quy hoạch tỉnh chưa được thẩm định, phê duyệt; để chủ động phục vụ nhu cầu sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng của một

số huyện, thành phố, phục vụ cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng đáp ứng tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong năm 2023, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, các đơn vị, địa phương đã rà soát, đề xuất bổ sung một số điểm mở mới vào quy hoạch.

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội, việc xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 26/2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 là phù hợp, cần thiết.

Nội dung bổ sung: 15 mỏ khoáng sản (*gồm 11 mỏ đất san lấp, 03 mỏ cát làm vật liệu xây dựng thông thường, 01 mỏ sét gạch ngói*) với diện tích tổng diện tích 38,49 ha nằm trên địa bàn 07 huyện (*Ngọc Hồi, Tu Mơ Rông, Đăk Tô, Đăk Hà, Kon Plông, Kon Rẫy, Sa Thầy*) và thành phố Kon Tum (*có Phụ lục I kèm theo*).

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

- Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đáp ứng nhu cầu vật liệu xây dựng trong hiện tại và dự trữ tài nguyên cho tương lai; kịp thời tháo gỡ những vướng mắc của các ngành chức năng và các đơn vị hoạt động khoáng sản.

- Là căn cứ pháp lý cho công tác quản lý nhà nước về khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum; góp phần quản lý chặt chẽ và bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác; ngăn chặn, xử lý và chấm dứt tình trạng khai thác khoáng sản trái phép.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

Phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội và đáp ứng được nhu cầu sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh. Tuân thủ theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Khoáng sản, Luật Quy hoạch và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Ngày 11 tháng 10 năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh có Tờ trình số 153/TTr-UBND về đề nghị xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 26/2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Ngày 12 tháng 12 năm 2022, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 109/NQ-HĐND về kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2023

của Hội đồng nhân dân tỉnh. Triển khai thực hiện Nghị quyết, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Công văn số 4369/UBND-KTTH ngày 26 tháng 12 năm 2022 chỉ đạo các đơn vị tham mưu nội dung trình.

Thực hiện nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, Sở Xây dựng đã chủ trì xây dựng Dự thảo Nghị quyết theo đúng trình tự của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và đăng tải lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, trang thông tin điện tử Sở Xây dựng và các ngành, địa phương có liên quan. Sau khi tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị liên quan và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Xây dựng đã tiếp thu để hoàn thiện dự thảo. Dự thảo cũng được các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, thảo luận và quyết định việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 123 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục: Gồm 02 điều như sau:

Điều 1: Sửa đổi, bổ sung tiết 2.1 khoản 2 Mục III Điều 1 Nghị quyết số 26/2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 78/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum*)

Điều 2: Quy định về trách nhiệm thi hành.

2. Nội dung cơ bản

Sửa đổi, bổ sung tiết 2.1 khoản 2 Mục III Điều 1 Nghị quyết số 26/2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 78/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum*), như sau:

"2.1. Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn: gồm 217 điểm; tổng diện tích đất sử dụng 4.476,69 ha, cụ thể:

TT	Loại khoáng sản	Số điểm quy hoạch	Diện tích (ha)
1	Đá xây dựng	60	1.088,30
2	Cát xây dựng	92	2.756,82
3	Đất làm vật liệu xây dựng thông thường	43	323,51
4	Sét gạch ngói	19	282,16
5	Than bùn	3	25,90
Tổng cộng		217	4.476,69

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)"

V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN:

Hồ sơ kèm theo:

- Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.
- Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp.
- Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.
- Báo cáo tiếp thu ý kiến góp ý của các bộ, sở, ngành, đơn vị.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c)
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (đ/b);
- Các Ban của HĐND tỉnh (đ/b);
- Đại biểu HĐND tỉnh (đ/b);
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh (đ/b);
- Sở Xây dựng (đ/b);
- VP UBND tỉnh: Chánh Văn phòng (đ/b);
- Lưu: VT, HTKT.DHL.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Sâm

Phụ lục I
TỔNG HỢP CÁC ĐIỂM ĐỀ XUẤT BỔ SUNG VÀO QUY HOẠCH
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND
ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Loại khoáng sản	Địa danh	Diện tích (ha)
I	Huyện Tu Mơ Rông		2,20
1	Đất san lấp	Thôn Mô Pá, xã Đăk Hà	2,20
II	Huyện Ngọc Hồi		2,73
1	Đất san lấp	Thôn Chiên Chiết, xã Đăk Xú	2,73
III	Huyện Kon Plông		3,12
1	Cát làm vật liệu xây dựng thông thường	Thôn Kon Tu Răng, xã Măng Cành (khu vực sông Đăk)	2,02
2	Cát làm vật liệu xây dựng thông thường	Thôn Kon Du, xã Măng Cành (khu vực suối Đăk Khe)	1,10
IV	Huyện Đăk Tô		5,55
1	Đất san lấp	Thôn Kon Tu Peng, xã Pô Kô	5,55
V	Huyện Đăk Hà		8,52
1	Đất san lấp	Thôn Đăk Xuân, xã Đăk Ngọc	3,52
2	Cát làm vật liệu xây dựng thông thường	Thôn Đăk Xế Kơ Ne, xã Đăk Long và Thôn Đăk Wet, xã Đăk Pxi	5,00
VI	Huyện Sa Thầy		3,24
1	Đất san lấp	Thôn Đăk Tang, xã Rờ Koi	1,46
2	Đất san lấp	Thôn Nghĩa Long, xã Sa Nghĩa, huyện Sa Thầy	1,78
VII	Huyện Kon Rẫy		5,44
1	Đất san lấp	Thôn 9, xã Đăk Ruồng	1,53
2	Đất san lấp	Thôn Đăk Puih, xã Đăk Tờ Re	2,04
3	Đất san lấp	Thôn 3, xã Tân Lập	1,87
VIII	TP. Kon Tum		7,69
1	Đất san lấp	Thôn Kon Gur, xã Đăk Blà	3,53
2	Đất san lấp	Thôn Kon Gur, xã Đăk Blà	3,40
3	Sét gạch ngói	Thôn Măng La Kơ, Tu, xã Ngọc Bay	0,76

Phụ lục II
TỔNG HỢP CÁC MỎ KHOÁNG SẢN LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG
THÔNG THƯỜNG, THAN BÙN SAU KHI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND
ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Huyện, thành phố	Loại khoáng sản	Số điểm quy hoạch	Diện tích (ha)
1	Huyện Đắk Glei		28	320,5
	1	Đá xây dựng	8	100,7
	2	Đất làm vật liệu xây dựng thông thường	7	59,4
	3	Cát xây dựng	13	160,4
2	Huyện Ngọc Hồi		20	391,9
	1	Đá xây dựng	9	203,3
	2	Đất làm vật liệu xây dựng thông thường	2	6,53
	3	Cát xây dựng	6	145,0
	4	Sét gạch ngói	3	37,1
3	Huyện Đắk Tô		23	391,4
	1	Đá xây dựng	5	63,7
	2	Đất làm vật liệu xây dựng thông thường	5	82,4
	3	Cát xây dựng	12	215,4
	4	Sét gạch ngói	1	30,0
4	Huyện Tu Mơ Rông		19	160,6
	1	Đá xây dựng	7	81,1
	2	Đất làm vật liệu xây dựng thông thường	3	14,4
	3	Cát xây dựng	7	24,7
	4	Sét gạch ngói	2	40,4
5	Huyện Kon Plông		23	336,6
	1	Đá xây dựng	9	158,3
	2	Đất làm vật liệu xây dựng thông thường	1	2,9
	2	Cát xây dựng	13	175,4
6	Huyện Đắk Hà		18	347,6
	1	Đá xây dựng	5	164,5

TT	Huyện, thành phố	Loại khoáng sản	Số điểm quy hoạch	Diện tích (ha)
	2	Đất làm vật liệu xây dựng thông thường	4	31,8
	3	Cát xây dựng	8	146,3
	4	Than bùn	1	5,0
7	Huyện Kon Rẫy		18	408,7
	1	Đá xây dựng	2	76,9
	2	Đất làm vật liệu xây dựng thông thường	5	11,9
	3	Cát xây dựng	11	319,9
8	Huyện Sa Thầy		20	442,8
	1	Đá xây dựng	5	61,1
	2	Đất làm vật liệu xây dựng thông thường	4	9,4
	3	Cát xây dựng	7	354,2
	4	Sét gạch ngói	4	18,1
9	Huyện Ia H'Drai		14	363,8
	1	Đá xây dựng	3	81,8
	2	Đất làm vật liệu xây dựng thông thường	1	2,9
	3	Cát xây dựng	10	279,1
10	Thành phố Kon Tum		34	1.312,7
	1	Đá xây dựng	7	96,9
	2	Đất làm vật liệu xây dựng thông thường	11	101,93
	3	Cát xây dựng	5	936,4
	4	Sét gạch ngói	9	156,6
	5	Than bùn	2	20,9